



Chính Sách Quản Lý Hóa Chất

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| LỜI TỰA..... | 4 |
| (A) LỜI GIỚI THIỆU | 5 |
| Nguyên tắc quản lý hóa chất cơ bản | 5 |
| Cách sử dụng hướng dẫn này..... | 5 |
| (B) KẾ HOẠCH THỰC THI CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ HÓA CHẤT..... | 8 |
| Trách nhiệm của nhà cung cấp và bốn mục phải làm | 8 |
| Giai đoạn thực thi..... | 9 |
| PHẦN 1: NGUỒN ĐẦU VÀO | 10 |
| 1.1 Nhận biết về các quy định, RSL và MRSL..... | 10 |
| 1.2 Nguy hại của hóa chất và Bảng dữ liệu an toàn..... | 11 |
| 1.3 Đánh giá nhà cung cấp hóa chất | 12 |
| 1.4 Quy trình thu mua hóa chất..... | 12 |
| 1.5 Phát triển và duy trì hóa chất tồn kho | 13 |
| PHẦN 2: CƠ SỞ SẢN XUẤT!..... | 14 |
| 2.1 Xác định các hoá chất nguy hại trong sản xuất..... | 14 |
| 2.2 Dán nhãn, bảo quản và xử lý hóa chất *..... | 18 |
| 2.3 Phòng ngừa nhiễm bẩn..... | 20 |
| PHẦN 3: NGUỒN ĐẦU RA..... | 21 |
| 3.1 Thực hiện danh mục hóa chất bị hạn chế (RSL)..... | 21 |
| 3.2 Quản lý nước thải* | 23 |
| 3.3 Quản lý chất thải nguy hại* | 23 |
| 3.4 Đo khí thải*..... | 24 |
| PHẦN 4: HỆ THỐNG - (A) PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN | 25 |
| PHẦN 4: HỆ THỐNG - (B) TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VÀ TÍNH MINH BẠCH | 26 |
| PHẦN 5: TRUYỀN THÔNG | 27 |
| 5.1 Truyền thông qua khắp chuỗi cung ứng | 27 |
| 5.2 Truyền thông về nguy hại của hóa chất tại Cơ sở sản xuất..... | 27 |
| (C) PHỤ LỤC..... | 29 |
| Phụ lục 1: Các biểu tượng GHS và nguy hại tương ứng..... | 29 |
| Phụ lục 2: Ví dụ về Bảng dữ liệu an toàn (SDS) | 30 |
| Phụ lục 3: Ví dụ về Danh mục hóa chất tồn kho (CIL) | 31 |
| Phụ lục 4: Ví dụ về Bản tuyên bố tuân thủ (DOC)..... | 32 |
| Phụ lục 5: Ví dụ về Danh sách nhà cung cấp được phê duyệt..... | 33 |
| Phụ lục 6: Ví dụ về quy trình thu mua..... | 34 |
| Phụ lục 7: Ví dụ về Biểu mẫu giải khắc phục lỗi..... | 35 |
| (D) ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT..... | 36 |
| (E) NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH - PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN GỐC RỄ VỀ LỖI RSL | 38 |



LỜI TỰA

Công ty Columbia Sportswear (CSC) và mỗi công ty con cùng nhãn hiệu liên quan cam kết mang lại cho khách hàng của chúng tôi các sản phẩm an toàn, chất lượng cao. Chúng tôi đánh giá cao các hoạt động sản xuất bền vững và cam kết hợp tác với các đối tác sản xuất vốn chia sẻ những giá trị đó. Mục tiêu của chính sách quản lý hóa chất của chúng tôi là:

- Hướng dẫn các nhà cung cấp về việc phát triển hệ thống quản lý hóa chất riêng của họ tại các địa điểm sản xuất
- Đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về RSL (danh sách hóa chất bị hạn chế) của CSC
- Đào tạo các nhà cung cấp về khái niệm Quản lý Nguồn Đầu vào và tuân thủ triết lý bluesign®
- Nâng cao kiến thức quản lý hoá chất cho nhà cung cấp để bảo đảm bảo vệ công nhân viên, môi trường và người tiêu dùng

Chúng tôi mong tất cả các nhà cung cấp tránh sử dụng các hoá chất nguy hại và thực hiện các hoạt động quản lý hóa chất tốt nhất tại các cơ sở của họ. Các nhà cung cấp dự định sẽ thiết lập các chính sách và hệ thống quản lý riêng của họ để đáp ứng các yêu cầu của CSC. Chúng tôi cũng đánh giá cao và tuân thủ các tiêu chuẩn công nghiệp, bao gồm công nghệ bluesign®, Chỉ số Higg từ Liên minh Trang phục Bền vững (SAC) và Sổ Hướng dẫn Sử dụng Hệ thống Quản lý Hóa chất từ chương trình Không Xả thải Hóa chất Nguy hại (ZDHC).

Chính sách quản lý hóa chất hiệu quả cốt lõi của công ty phụ thuộc vào các hoạt động quản lý nguồn đầu vào với mục đích là loại bỏ các hoá chất nguy hại ngay từ đầu. Hơn nữa, việc quản lý hóa chất đòi hỏi cách tiếp cận có hệ thống thông suốt mọi giai đoạn sản xuất từ các nguồn hóa chất đầu vào, cách sử dụng và xử lý thông qua tất cả các khu vực của một cơ sở sản xuất cho đến các nguồn đầu ra, và cũng phụ thuộc vào việc truy xuất nguồn gốc, sự minh bạch và các hoạt động cải tiến liên tục.

CSC có thể yêu cầu thẩm định hệ thống quản lý hóa chất một cách ngẫu nhiên hay như một phần của chương trình có hệ thống để đánh giá thành tích nhà cung cấp. Các yêu cầu bổ sung được quy định trong các chính sách và sổ hướng dẫn sử dụng của CSC, chẳng hạn như RSL và Sổ hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của Công ty Sportswear Columbia.

CSC có thể giới thiệu các yêu cầu và quy trình bổ sung trong tương lai để hỗ trợ cho việc loại bỏ những hoá chất nguy hại và rủi ro liên quan. Chúng tôi cam kết hợp tác với các nhà cung cấp để thúc đẩy các hoạt động sản xuất bền vững, loại bỏ dần các hoá chất nguy hại trên toàn chuỗi cung ứng của CSC và nỗ lực giảm thiểu tác động từ các sản phẩm của chúng tôi.

(A) LỜI GIỚI THIỆU

Chính sách quản lý hóa chất này là nhằm hướng dẫn và hỗ trợ các nhà cung cấp của chúng tôi thực hiện một hệ thống quản lý hóa chất hiệu quả, cung cấp các điều kiện làm việc an toàn hơn cho công nhân viên, hỗ trợ tuân thủ sản phẩm và cải thiện hiệu suất môi trường.

Nguyên tắc quản lý hóa chất cơ bản

Quản lý nguồn đầu vào là nguyên tắc cốt lõi của chính sách quản lý hóa chất và cũng là nguyên tắc cơ bản của hệ thống bluesign®. Nhờ thực hiện hiệu quả chính sách quản lý nguồn đầu vào, các hóa chất nguy hại có thể được xác định và loại bỏ ở giai đoạn đầu và ngăn chặn chúng thâm nhập vào quy trình sản xuất.

Cách sử dụng hướng dẫn này

Để nghiên cứu và thực hiện chính sách tốt hơn tại các cơ sở sản xuất, các hoạt động quản lý hóa chất trong tài liệu này được phân loại thành 5 phần: **Nguồn đầu vào, Cơ sở, Nguồn đầu ra, Hệ thống và Truyền thông.**

- **Nguồn đầu vào**

Phần Nguồn đầu vào bao gồm các hoạt động chính về quản lý nguồn đầu vào và tập trung vào các hoạt động thiết yếu trước khi hóa chất được đưa vào kho. Nó cung cấp hướng dẫn thực tiễn về các hoạt động chính như ý thức về yêu cầu hóa chất, đánh giá nhà cung cấp hóa chất, đánh giá rủi ro hóa chất và phát triển hóa chất tồn kho.

- **Cơ sở sản xuất**

Phần Cơ sở sản xuất bao gồm các hoạt động chính bắt đầu bằng các hoá chất được đưa vào kho cho đến khi kết thúc các dây chuyền sản xuất. Nó cũng bao gồm các hoạt động liên quan đến các quá trình sản xuất tại nhà máy và cung cấp hướng dẫn thực tiễn về các khía cạnh, chẳng hạn như nhận dạng các hoá chất nguy hại trong sản xuất, truyền thông về sự nguy hại của hóa chất tại cơ sở sản xuất, dán nhãn, bảo quản, vận chuyển, xử lý hóa chất và phòng ngừa nhiễm bẩn.

- **Nguồn đầu ra**

Phần Nguồn đầu ra bao gồm các hoạt động chính từ khi kết thúc các dây chuyền sản xuất và trước khi có bất kỳ sản phẩm đầu ra, nước thải, khí thải và rác thải rắn rời khỏi ranh giới thực tế của nhà máy. Phần Nguồn đầu ra cung cấp hướng dẫn thực tiễn về cách quản lý hóa chất trong các sản phẩm, nước thải, khí thải, rác thải và truyền thông về kết quả nguồn đầu ra.

- **Hệ thống**

Phần Hệ thống bao gồm các hoạt động chính cần thiết cho việc thiết lập một hệ thống quản lý hoá chất cơ bản. Phần này bao gồm chương trình đào tạo, tài liệu hướng dẫn, sự truy xuất nguồn gốc, sự minh bạch, thẩm định nội bộ, xét duyệt quản lý, hoạt động phòng ngừa và khắc phục, PDCD và sự cải tiến liên tục.

- **Truyền thông**

Phần Truyền thông giải thích nhu cầu đảm bảo rằng các yêu cầu quản lý hóa chất được truyền đạt hiệu quả trong phạm vi nhà máy cũng như đến nhà cung cấp. Đặc biệt là, các nhà máy cần bảo đảm rằng các yêu cầu cập nhật về hóa chất phải được truyền đạt đến nhà cung cấp và các hồ sơ chi tiết về quy trình này phải được lưu giữ.

Tài liệu này phải được xem xét toàn bộ. Tuy nhiên, một số phần đặc biệt có liên quan đến các chức vụ cụ thể trong nhà máy như được nêu trong bảng dưới đây.

Bảng 1 Đề nghị đọc các phần cho những chức vụ khác nhau

| Chức vụ | Nguồn đầu vào | Cơ sở sản xuất | Nguồn đầu ra | Hệ thống | Truyền thông |
|---|---------------|----------------|--------------|----------|--------------|
| Giám đốc quản lý hóa chất | • | • | • | • | • |
| Giám đốc mua hàng | • | o | o | • | • |
| Giám đốc bảo quản hóa chất | • | • | o | • | • |
| Giám đốc sản xuất | o | • | • | • | • |
| Giám đốc đảm bảo chất lượng | • | • | • | • | • |
| Giám đốc chất thải (không khí, chất rắn và nước thải) | o | o | • | • | • |

Lưu ý: “•” cho biết là 'Bắt buộc' và 'o' cho biết 'Khuyến dùng'

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc hiểu rõ các hướng dẫn này, mỗi phần phụ bao gồm ba phần:

Điều gì: Cung cấp nội dung giải thích vắn tắt về phần phụ;

Tại sao: Giải thích lý do tại sao phần phụ là quan trọng trong việc quản lý hóa chất;

Cách thức: Liệt kê những hoạt động chính và giải thích cách để đạt được kết quả yêu cầu. Đó là nội dung cốt lõi của từng phần phụ.

(B) KẾ HOẠCH THỰC THI CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ HÓA CHẤT

Trách nhiệm của nhà cung cấp và bốn mục phải làm

Các nhà cung cấp nên thực hiện cam kết đầy đủ với chính sách CSC, tuân thủ các hướng dẫn về việc thực thi chính sách quản lý hoá chất, và thiết lập các chính sách và hệ thống quản lý riêng để đáp ứng yêu cầu của chính sách này. Người ta thừa nhận rằng các nhà máy có thể đang bắt đầu từ các cấp độ khác nhau và việc thực thi đầy đủ chính sách này là một quá trình liên tục. Tuy nhiên, phần này giải thích **bốn yêu cầu cơ bản mà nhà máy phải tuân thủ.**

| Mục phải làm | Hành động |
|--------------|---|
| 1 | Cam kết tuân thủ RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của CSC |
| 2 | Phân công một cá nhân phụ trách quản lý hoá chất |
| 3 | Thiết lập quy trình thu mua hóa chất |
| 4 | Phát triển và duy trì một danh mục hàng hóa chất tồn kho (CIL) |

Mục phải làm 1 - Cam kết với RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của CSC

- Ban quản lý cao cấp phải cam kết tuân thủ RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của CSC và truyền đạt cam kết này đến tất cả các nhân viên trong nhà máy. Nhà máy phải ký bản tuyên bố tuân thủ (DOC) (xem Phụ lục 4) với CSC và đảm bảo rằng tài liệu này được giám sát tốt.
- Phải đảm bảo rằng hầu hết các phiên bản cập nhật của chính sách này và RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của CSC đang được sử dụng trong nhà máy. Mọi phiên bản bằng văn bản phải được chỉ định như là 'Không kiểm soát' và phải được kiểm tra thường xuyên để bảo đảm rằng chúng là những phiên bản mới nhất.

Mục phải làm 2 - Phân công một cá nhân phụ trách quản lý hoá chất

- Ban quản lý phải phân công nhân viên quản lý hóa chất và hỗ trợ họ để đảm bảo tuân thủ Chính sách Hóa chất của CSC. Nhân viên này phải là một quản lý phù hợp làm việc toàn thời gian từ một vai trò thích hợp như Sản xuất, Đảm bảo chất lượng (QA) hay Nghiên cứu & Phát triển (R&D). Nhân viên bán hàng hoặc tiếp thị không được xem là phù hợp để thực hiện trách nhiệm giám sát quản lý hóa chất. Nhiệm vụ và trách nhiệm của họ phải được ghi lại và xác định trong biểu đồ tổ chức của nhà máy.

Mục phải làm 3 - Thiết lập quy trình thu mua hóa chất

- Bộ phận thu mua phải phát triển một quy trình vận hành chuẩn (SOP) để đảm bảo không mua hóa chất nguy hại bị hạn chế cho các dây chuyền sản xuất của CSC. Các nhà cung cấp có thể tạo ra quy trình riêng của mình hoặc tham khảo quy trình được đề xuất (Phụ lục 6).
- Một nhân viên phải được phân công phụ trách soạn thảo và duy trì CIL.

Mục phải làm 4 - Phát triển và duy trì một danh mục hóa chất tồn kho (CIL)

- CIL phải được phát triển với các mặt hàng bắt buộc và cập nhật thường xuyên (ví dụ như hàng tháng) và phải được thông báo cho bộ phận thu mua. (Phụ lục 3).
- Mọi hóa chất thu mua mới phải được chấp nhận bởi Giám đốc quản lý hóa chất

Giai đoạn thực thi

Chính sách này áp dụng cho tất cả các nhà cung cấp nguyên liệu thô (RMV *) và nhà cung cấp hàng hoá thành phẩm (FGV *) của mọi chủng loại sản phẩm CSC, bao gồm trang phục, phụ kiện, thiết bị và giày dép và sẽ được thực thi theo từng giai đoạn:

| Giai đoạn | Đối tượng mục tiêu | Có hiệu lực từ |
|-------------|---|----------------|
| Thử nghiệm | Chọn nhà cung cấp nguyên liệu (RMV) và chọn nhà cung cấp hàng hoá thành phẩm (FGV) | Tháng 7/2017 |
| Giai đoạn 1 | Mọi nhà cung cấp nguyên (RMV) và nhà cung cấp hàng hoá thành phẩm và giày dép (FGV) | Tháng 01/2018 |
| Giai đoạn 2 | Mọi nhà cung cấp nguyên liệu (RMV) kể cả da thuộc & đồ trang trí và thiết bị FGV | Tháng 7/2018 |

*Lưu ý: Về định nghĩa FGV và RMV, vui lòng tham khảo Phụ lục.

PHẦN 1: NGUỒN ĐẦU VÀO

Phần Nguồn đầu vào bao gồm các hoạt động chính về quản lý nguồn đầu vào và tập trung vào các hoạt động thiết yếu trước khi hóa chất được đưa vào kho. Dưới đây là những hoạt động chính mà các nhà cung cấp CSC nên tuân thủ.

1.1 Nhận biết về các quy định, RSL và MRSL

Điều gì: Các nhà cung cấp CSC phải có kiến thức và nhận biết về các luật lệ, quy định hiện hành, các tiêu chuẩn bắt buộc, bao gồm các cập nhật hiện tại, và các yêu cầu của CSC bao gồm RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm (RSL) của CSC, Danh mục Các Chất Bị Hạn chế Sản xuất (MRSL)

Tại sao: Nhận thức về các yêu cầu là bước đầu tiên hướng tới sự tuân thủ của sản phẩm. Chỉ cần nhận thức về các yêu cầu liên quan, các nhà cung cấp có thể thực hiện được các hành động và hoạt động phù hợp để đảm bảo sự tuân thủ của sản phẩm.

Cách thức: Các yêu cầu của RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của CSC là cơ sở để tuân thủ về hóa chất đối với tất cả các sản phẩm.

Các mục hành động sau đây phải được thực hiện để đáp ứng các yêu cầu:

- **Ban quản lý cao cấp phải cam kết tuân thủ RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của CSC** và truyền đạt cam kết này đến tất cả các nhân viên trong nhà máy.
- **Một nhân viên phụ trách quản lý hóa chất** phải được phân công trong phạm vi nhà máy, bảo đảm họ có năng lực, cam kết và sự hỗ trợ từ ban lãnh đạo để đạt được các yêu cầu. Điều này phải được xác định rõ ràng trong biểu đồ tổ chức của công ty.
- **RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm mới nhất của CSC phải luôn có sẵn trong nhà máy.** Phiên bản cập nhật cũng có thể được tìm thấy từ trang web chính thức của CSC. Nếu bạn không chắc là mình đã có phiên bản mới nhất hay chưa, vui lòng liên hệ với nhân viên đại diện địa phương của CSC.
- **Cam kết phải được ghi lại và có sẵn cho các bên liên quan.**

1.1.1 Danh Mục Các Chất Bị Hạn Chế Sản Xuất (MRSL)

Mục đích của Danh mục các chất bị hạn chế sản xuất (MRSL) là nhằm giới hạn việc sử dụng các hóa chất độc hại vốn có thể gây tác hại đối với người tiêu dùng, môi trường và công nhân viên - những người có thể bị phơi nhiễm trong quá trình sản xuất. CSC đánh giá cao việc xử lý các chất nguy hại có khả năng được sử dụng và xả vào môi trường trong khi sản xuất cũng như thâm nhập sâu vào quy trình liên quan trong chuỗi cung ứng của chúng tôi. Vui lòng tham khảo Phần MRSL trong RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của CSC

Nguồn: RSL của CSC: <http://www.columbia.com/About-Us/Corporate-Responsibility/Product.html>

(Có sẵn bằng nhiều ngôn ngữ)

1.2 Nguy hại của hóa chất và Bảng dữ liệu an toàn

Điều gì: Một số hóa chất có thể có các nguy hại về thể chất, sức khỏe hoặc môi trường, ví dụ như gây ung thư, gây đột biến, độc tính sinh sản (CMR), lưu lại, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), lưu lại và tích lũy sinh học (vPvB) rất lâu, v.v... Bảng dữ liệu an toàn (SDS) còn được gọi là Bảng Dữ liệu An toàn Hóa chất (MSDS) là tài liệu quan trọng để trình bày thông tin về sự nguy hại của hóa chất.

Tại sao: Thông tin này rất cần thiết để nhà máy xác định sự nguy hại, tiến hành đánh giá rủi ro và lập kế hoạch phòng ngừa. Sự thiếu hiểu biết đối với thông tin về sự nguy hại khiến nhà máy không thể chấp nhận các điều kiện bảo quản thích hợp và hoạt động xử lý an toàn hóa chất.

Cách thức: Các nhà cung cấp có trách nhiệm chính để đảm bảo nhân viên được bảo vệ thích hợp tại nơi làm việc. Hóa chất có thể biểu hiện một loạt nguy hại tiềm ẩn có thể không rõ ràng đối với các cá nhân chưa được tập huấn. Để chứng minh sự tuân thủ của nhà máy, các hành động sau đây cần được thực hiện:

- **Nhà máy phải thu thập mọi thông tin thích hợp về mỗi nguy hại liên quan đến tất cả các hóa chất.** Các ví dụ bao gồm thông tin về mỗi nguy hại* được cung cấp bởi các nhà cung cấp hoá chất như SDS, nhãn hóa chất, Bảng dữ liệu kỹ thuật (TDS) và chứng chỉ phân tích.
- **Tất cả các hóa chất phải được bảo quản thích hợp.** Các nhà máy phải phát triển một khái niệm bảo quản để hóa chất được bảo quản theo hạng mục rủi ro như chất gây kích ứng, dễ bắt lửa, ăn mòn, v.v... Và các hóa chất không tương hợp (như axit và kiềm, chất ôxi hóa, phenol và monome, hợp chất halogen hóa và amin, axit vô cơ và amin, v.v...) phải được lưu giữ riêng biệt.

* Lưu ý: Phân loại nguy hại của các hóa chất có thể liên quan đến Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hoá chất (GHS). Theo GHS, các nguy hại có thể được phân loại như hạng mục vật lý và ngẫu nhiên; các biểu tượng GHS có thể được sử dụng để ghi nhãn cho các nguy hại - Phụ lục 1 tóm tắt thông tin về các biểu tượng GHS và các nguy hại tương ứng. Để biết thông tin về GHS, vui lòng truy cập trang web chính thức của GHS. http://www.unece.org/trans/danger/publi/ghs/ghs_welcome_e.html or environmental. Về các nguy hại khác và

1.3 Đánh giá nhà cung cấp hóa chất

Điều gì: Trước khi đặt bất kỳ đơn hàng hoá chất nào, cần đánh giá về năng lực và thành tích chung của nhà cung cấp.

Tại sao: Đánh giá nhà cung cấp hóa chất nhằm xác định xem họ có khả năng cung cấp các hóa chất phù hợp và sự hợp tác có thể là kéo dài và ổn định hay không.

Cách thức: Để đánh giá hiệu quả một nhà cung cấp hóa chất, cần thực hiện các bước sau:

- **Nhà máy phải thiết lập một quy trình đánh giá nhà cung cấp** với những tiêu chí về thành tích có thể chấp nhận hoặc các quy tắc xếp hạng.
- Ngoài các chỉ số thông thường như giá, chất lượng và chu kỳ giao hàng, các nhà máy cần phải đánh giá các hoạt động quản lý hóa chất của nhà cung cấp bằng cách kiểm tra các khía cạnh và tài liệu sau đây của nhà cung cấp:
 - Các phiên bản điện tử đạt tiêu chuẩn của SDS
 - Các phiên bản điện tử của Bảng Dữ liệu Kỹ thuật (TDS)
 - Danh mục hóa chất xác thực
 - Bản tuyên bố tuân thủ (DOC)
 - Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng và môi trường
 - Nhà cung cấp do CSC chỉ định
 - Đối tác hệ thống bluesign® và các chứng chỉ khác
 - Hồ sơ vi phạm môi trường (ví dụ: báo cáo kiểm tra môi trường)
- **Danh sách các nhà cung cấp được phê duyệt** phải được lưu lại và duy trì liên tục và được xem xét định kỳ trên cơ sở ít nhất mỗi năm một lần. Phụ lục 5 là một ví dụ về danh sách nhà cung cấp được phê duyệt.
- **Bộ phận thu mua chỉ nên chọn các hóa chất từ danh sách nhà cung cấp đủ điều kiện** trừ khi được phê duyệt bởi Giám đốc Quản lý Hoá chất.

1.4 Quy trình thu mua hóa chất

Điều gì: Phần này bao gồm chính sách thu mua hóa chất nhằm đảm bảo tránh được các hóa chất có rủi ro cao trong quá trình thu mua.

Tại sao: Nếu không có quy trình thu mua và giám sát thích hợp, có thể vô tình mua phải các hóa chất có rủi ro cao.

Cách thức: Cần tạo ra một chính sách thu mua nhằm đảm bảo rằng chỉ sử dụng các hóa chất phù hợp trong dây chuyền sản xuất bất kỳ chất liệu hay sản phẩm nào của CSC. Điều này có thể đạt được bằng cách thực hiện các bước sau:

- **Bộ phận thu mua phải tạo ra một quy trình vận hành chuẩn** nhằm đảm bảo rằng chỉ thu mua các hóa chất được chấp nhận cho dây chuyền sản xuất của CSC.
- **Mọi hoạt động thu mua hóa chất mới phải được Giám đốc Quản lý Hóa chất xem xét và phê duyệt.**

1.5 Phát triển và duy trì hóa chất tồn kho

Điều gì: Hóa chất tồn kho là danh mục cho biết thông tin cơ bản cho từng hóa chất và thường bao gồm tên hoá chất, thành phần, thông tin về nguy hại, kết quả đánh giá rủi ro của hóa chất, địa điểm bảo quản, cũng như các thông tin khác.

Tại sao: CIL là công cụ tóm tắt thông tin hóa chất hữu ích bao gồm tất cả các hóa chất được sử dụng tại cơ sở sản xuất trong phạm vi một tài liệu.

Cách thức: Nhà máy phải phát triển và duy trì một danh mục hóa chất tồn kho bao gồm tất cả các mặt hàng được sử dụng trong khu vực sản xuất. Các mục sau đây là bắt buộc:

- **Một nhân viên phải được phân công phụ trách soạn thảo và duy trì CIL.** Nhân viên này nên làm việc với Giám đốc Quản lý Hoá chất để đảm bảo danh mục bao gồm tất cả các nguồn đầu vào và quy trình sản xuất của CSC.
- **Tất cả các hoá chất đã mua** bao gồm các thành phần chính để sản xuất và tất cả các hóa chất xử lý bao gồm thuốc tẩy, chất phụ gia, dung môi và chất tẩy rửa phải được ghi vào CIL. Một CIL cập nhật phải được duy trì bằng điện tử. Chẳng hạn như các phiên bản điện tử có thể nằm một bảng excel hoặc trong một hệ thống ERP trực tuyến thời gian thực.
- **CIL phải được cập nhật định kỳ (ví dụ như hàng tháng) và được thông báo cho bộ phận thu mua.** Nhà máy có thể nhận được thông tin liên quan từ SDS, nhãn hóa chất, TDS và các chứng chỉ.

PHẦN 2: CƠ SỞ SẢN XUẤT!

Phần Cơ sở sản xuất bao gồm các hoạt động chính bắt đầu bằng các hoá chất được đưa vào kho cho đến khi kết thúc các dây chuyền sản xuất. Nó cũng bao gồm các hoạt động liên quan đến tất cả các quy trình sản xuất tại nhà máy. Dưới đây là những hoạt động chính mà các nhà cung cấp CSC nên tuân thủ.

2.1 Xác định các hoá chất nguy hại trong sản xuất

2.1.1 Xác định hóa chất nguy hại và MRSL

Điều gì: Đối với mỗi giai đoạn sản xuất, việc sử dụng các hóa chất và chất liệu khác nhau có thể gây ra nguy cơ tiềm ẩn.

Tại sao: Việc xác định các hoá chất nguy hại trong mỗi giai đoạn sản xuất có thể làm giảm phạm vi hoạt động các hóa chất liên quan và tập trung nỗ lực vào quản lý chúng.

Cách thức: Các hóa chất nguy hại được sử dụng trong mỗi giai đoạn sản xuất phải được xác định, xem xét và kiểm tra chéo bằng các kết quả đánh giá nguy cơ hóa học. Các hóa chất bị hạn chế và có nguy cơ cao không được sử dụng trong bất kỳ giai đoạn sản xuất nào.

- Nhà máy phải xác định các chất nguy hại điển hình qua
 - Xác minh kiểm tra hóa chất
 - Xem lại SDS
 - Xem lại giấy chứng nhận

2.1.2 Sản xuất vải dệt

Bảng 2 và 3 (Vải dệt) và Bảng 4 (Giày dép) dựa trên kinh nghiệm và phân tích công thức và chỉ ra các chất bị hạn chế phổ biến nhất có liên quan đến các loại hóa chất khác nhau. Để biết thêm thông tin về các chất bị hạn chế phổ biến trong hóa chất và nguyên liệu, vui lòng tham khảo **ZDHC MRSL**.

2.1.2.1 Nhuộm và in

Bảng 2 Tổng quan về một số nhóm chất nguy hại điển hình trong quy trình tiền xử lý, nhuộm, in và giặt rửa

| QUY TRÌNH ƯỚT | LOẠI CÔNG THỨC HÓA HỌC | NHÓM CHẤT NGUY HẠI | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------|--|--------------------|-------------|--------------------------|---------------|---------------|--|--|----------------------|--------------------|--------|-------------------|------------|-----|-----|----------|--|-----|
| | | AP & APEO | Formandehyt | Chlorobenzenes + Toluene | Chlorophenols | hóa chất Amin | chống ăn mòn hóa chất hoặc các chất nhuộm xanh nước biển | chống ăn mòn hóa chất hoặc các chất nhuộm xanh nước biển | Thuốc nhuộm phân tán | Chất làm chậm cháy | Glycol | Dung môi, Halogen | Organotins | PAH | PFC | Phthalat | Kim loại nặng (As, Hg, Cd, Pb, Cr(VI)) | VOC |
| Tiền xử lý | Các chất phụ gia tiền xử lý (làm sạch, tẩy các chất oxy hóa) | X | | | | | | | | | X | X | | | | | X | |
| Nhuộm và in | Thuốc nhuộm và chất nhuộm màu | X | | X | X | X | X | X | X* | | | X | X | | X* | X | X* | |
| | Các chất phụ gia dệt dùng để nhuộm và in | X | X | | | | | | | | X | | X* | | X* | | X* | |
| Chất giặt rửa | Chất tẩy rửa | X | | X | | | | | | | X | X | | | | | | |

(X*) Các chất có thể hiển diện, cần thêm thông tin để xác định rủi ro

2.1.2.2 Lớp phủ ngoài, sơn và lớp dát mỏng

Bảng 3 Tổng quan về một số nhóm chất nguy hại điển hình trong lớp phủ ngoài, sơn và lớp dát mỏng

| QUY TRÌNH ƯỚT | LOẠI CÔNG THỨC HÓA HỌC | NHÓM CHẤT NGUY HẠI | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|--------------------|-------------|---------------------------|---------------|--------------|----------------|-------------|-----------------|----------|-------------|--------------------|--------|------------|-----|-----|----------|--|-----|
| | | AP & APEO | Focmandehyt | Chlorobenzenes + Toluenes | Chlorophenols | mòn hóa chất | xanh nước biển | Thuốc nhuộm | ăn mòn hóa chất | phần tán | Thuốc nhuộm | Chất làm chậm cháy | Glycol | Organotins | PAH | PFC | Phthalat | Kim loại nặng (As, Hg, Cd, Pb, Cr(VI)) | VOC |
| Lớp phủ ngoài, sơn và lớp dát mỏng | Chất chống tĩnh điện | X | | | | | | | | | | X | | | | | | | |
| | Chất chống thấm nước, vết bẩn và dầu | X | | | | | | | | | | X* | X | | X | | | | |
| | Chất chống vi khuẩn | | | | | | | | | | | X | X | | | | | | |
| | Chất làm sáng quang học (chất làm sáng huỳnh quang) | X | | | | X | X | X | X | | | X | | | | | | | |
| | Chất làm chậm cháy | | | | | | | | | | X | X | X | | | X | X | | |
| | Các chất phủ ngoài và dát mỏng cũng như chất phụ gia kèm theo | | | | | | | | | | X* | X | X | X | X | X | X | X | X |
| | Nhựa | | X | | | | | | | | | | | X | X | | | | X |
| (X*) Các chất có thể hiển diện, cần thêm thông tin để xác định rủi ro | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

2.1.3 Sản xuất giày dép

Bảng 4 Tổng quan về một số nhóm chất nguy hại điển hình trong sản xuất giày dép

| LOẠI CÔNG THỨC HÓA HỌC | NHÓM CHẤT NGUY HẠI | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------------------------------|--------------------|--------------------------|---------------|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|--|--------------------|--------|-------------------|------------|-----|-----|----------|----------------------------|--|-----|
| | AP & APEO | Chlorobenzenes + Toluene | Chlorophenols | Sơn chống ăn mòn hóa chất Amin thơm | Sơn chống ăn mòn hóa học nước biển | Thước nhuộm phân tán | chống ăn mòn hóa chất hoặc các chất tương tự nước nhuộm xanh | Chất làm chậm cháy | Glycol | Dung môi, Halogen | Organotins | PAH | PFC | Phthalat | Chloroparifines chuỗi ngắn | Kim loại nặng (As, Hg, Cd, Pb, Cr(VI)) | VOC |
| 1. Chất tẩy rửa | X | | | | | | | X | X | | | | | | | | X |
| 2. Dung môi | | X | X | | | | | | X | | | | | | | | X |
| 3. Chất kết dính | X | X | X | | | | | X | X | X | | X | X | | | X | X |
| 4. Dung môi kết dính | | X | X | | | | | | X | | | | | | | | X |
| 5. Sơn lót | | | | | | | | | X | | | | | | | | X |
| 6. Halogen hóa | | | | | | | | | X | | | | | | | | X |
| 7. Chất liên kết chéo | X | X | | | | | | X | X | | | | | X | X | X | X |
| 8. Nhựa mũ | X | | | | | | * | | | X | | | | | | X | |
| 9. Cao su | X | | | | | | | | | X | X | | | | | X | X |
| 10. Hợp chất lưu hoá | | | | | | | | | | | | | | | | X | |
| 11. Polyol | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12. Di-isoxyanat | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13. Chất tạo bọt | | | | | | | | | X | | | | | | | | X |
| 14. Cao su nhựa nhiệt dẻo | X | | | | | | | | | X | X | | X | X | X | X | X |
| 15. Cao su tự nhiên | | | | | | | | | | | X | | | | | X | X |
| 16. In ấn | X | | X | X | X | X | * | X | X | X | X | | X | X | X | X | X |
| 17. Phun mực mép (sơn ngoài) | X | | | X | X | X | * | X | X | X | X | | X | | | X | X |
| 18. Sáp/hoạt động phủ ngoài | X | X | X | | | | | X | X | | X | X | X | X | X | X | X |
| 19. Dầu (Vùng cắt/làm việc) | | | | | | | | | | X | X | | | | | | |
| 20. Chất liệu cao cấp | X | X | X | X | X | X | | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 21. Vật liệu đế ngoài | | | X | | X | X | | | | X | X | | X | X | X | X | X |
| 22. Phần cứng kim loại | | | | | | | | | | | | | | | | X | |
| 23. Mẫu in vải dệt | X | | | X | X | X | | X | X | X | X | | X | | | X | X |

2.2 Dán nhãn, bảo quản và xử lý hóa chất *

Điều gì: Hóa chất rất cần thiết cho việc sản xuất sản phẩm. Đôi khi, các thuộc tính giống nhau khiến một hóa chất hữu ích trong sản xuất cũng có thể tác động bất lợi đến sự an toàn của công nhân viên. Quản lý an toàn hóa chất tốt đòi hỏi phải có sự truyền thông hiệu quả và các hệ thống kiểm soát các nguy cơ phơi nhiễm hóa chất.

Tại sao: Nhằm đảm bảo phát triển và thực hiện các quá trình và quy trình để giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ liên quan đến việc sử dụng hóa chất tại nơi làm việc.

Cách thức:

DÁN NHÃN VÀ TRUYỀN THÔNG VỀ NGUY HẠI

- Nhà máy phải sử dụng các nguyên tắc của Hệ thống Hải hoà Toàn cầu (GHS) trong việc truyền thông về nguy hại
- SDS phải được tiếp cận thoải mái và có sẵn bằng ngôn ngữ địa phương để xem xét bởi tất cả các nhân viên tại nhà máy, cũng như tại các khu vực bảo quản và sử dụng các hóa chất. Ngoài ra, các hướng dẫn an toàn phải được nhìn thấy rõ ràng (ví dụ như dán trên tường) và nên bao gồm các biểu tượng.
- Tất cả các thùng chứa chính và phụ cần có nhãn ghi rõ tên và các nguy hại. Nhãn phải viết bằng ngôn ngữ của nhân viên, dễ đọc và trong điều kiện tốt.

BẢO QUẢN

- Nhà máy phải cài đặt các dấu hiệu cảnh báo và các quy trình xử lý hóa chất tại các khu vực bảo quản và sử dụng hóa chất.
- Nhà máy phải đảm bảo các khu vực bảo quản được lắp đặt thiết bị chữa cháy và hệ thống đèn chống cháy nổ và thiết bị chuyển mạch vốn an toàn bất cứ khi nào có thể trong trường hợp có các vật liệu dễ cháy, .
- Các thùng chứa hóa chất không được xếp chồng lên nhau cao hơn ba (3) mét (10 feet). Các thùng lắp bên cạnh cần được kê lên để ngăn chặn chúng lăn ra.
- Những khu vực bảo quản hoá chất cần có các đặc tính an toàn sau:
 - Khu vực được bảo vệ và che phủ
 - Thùng chứa được bảo quản trên các bề mặt không thấm nước
 - Thông gió đầy đủ
 - Có thể sử dụng vòi hoa sen/bồn rửa mắt an toàn dễ tiếp cận (có thể tiếp cận trong 10 giây trở xuống)
 - Hạn chế ăn uống và hút thuốc
 - Bộ dụng cụ chứa chất liệu bị tràn để ngăn chặn và hấp thụ
 - Thiết bị chữa cháy, ống cứu hỏa và/hoặc bình chữa cháy
 - Các dấu hiệu cho thấy PPE (Thiết bị bảo hộ lao động cá nhân) phải hoạt động tại khu vực
 - Nhà máy phải cung cấp đồ chứa dự phòng cho các chất nguy hại. Đồ chứa dự phòng phải có sức chứa ít nhất là 110% dung tích của thùng chứa lớn nhất được bảo quản và lớn hơn 10% tổng dung tích của chất được bảo quản.

- Các lối đi và tuyến đường xe nâng cần được đánh dấu rõ ràng
- Các chất liệu không tương hợp cần được tách riêng
- Cách ly và bảo vệ/che phủ thích hợp khu vực bảo quản hóa chất/chất thải hóa học xa khỏi khu vực sản xuất và sinh hoạt.
- Các vật liệu dễ bắt lửa và dễ cháy cần được bảo quản cách xa nguồn đánh lửa
- Nhà máy phải duy trì một kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã lưu trữ cũng thiết bị tại những khu vực sử dụng hoặc bảo quản các vật liệu nguy hại.
- Nhà máy phải thường xuyên kiểm tra các khu vực có hóa chất được bảo quản và xử lý để đảm bảo chúng đáp ứng các yêu cầu.

XỬ LÝ

- Phụ nữ có thai và cho con bú không được làm việc ở những khu vực sử dụng chất liệu nguy hại hoặc có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất nguy hại.
- Nhân viên làm việc hoặc phơi nhiễm với hóa chất nguy hại cần được khám sức khỏe nghề nghiệp/y tế hàng năm.
- Các chất rò rỉ hoặc tràn đổ phải được dọn sạch ngay lập tức.
- Nhà máy phải cung cấp cho công nhân viên miễn phí thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) thích hợp và cần thiết (ví dụ: găng tay, thiết bị bảo vệ mắt, bảo vệ thính giác và bảo vệ hô hấp) để ngăn ngừa hiệu quả sự cố phơi nhiễm không an toàn (ví dụ như hít phải hoặc tiếp xúc với hơi dung môi, tạp âm, bụi) đối với các nguy cơ về sức khỏe và an toàn, kể cả chất thải y tế.
- Nhà máy phải bảo đảm rằng tất cả công nhân viên đang sử dụng PPE khi cần thiết.
- Nhà máy cần cung cấp cho công nhân viên khóa tập huấn về cách sử dụng và bảo dưỡng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Nhà máy phải áp dụng các biện pháp kiểm soát sau đây khi chuyển giao các chất liệu nguy hại:
 - a. Những thùng chứa chất liệu dễ cháy bằng kim loại cần được gắn cố định, tiếp đất/nối đất
 - b. khay/chảo nhỏ giọt được đặt dưới các thùng chứa phân tán
 - c. Tiến trình phân tán xảy ra trên các bề mặt không thấm nước

2.3 Phòng ngừa nhiễm bẩn

Điều gì: Cần tránh nhiễm bẩn trong quá trình bảo quản, vận chuyển, vận chuyển và xử lý hoá chất.

Tại sao: Nhiễm bẩn có thể dẫn đến việc hình thành những tạp chất trong các hóa chất đủ điều kiện và ảnh hưởng đến chất lượng của các sản phẩm cuối cùng nhưng cũng có thể dẫn đến các phản ứng hóa học bất ngờ.

Cách thức: Nhà máy phải bảo đảm tránh sự cố nhiễm bẩn thông qua việc giữ vệ sinh phù hợp. Cần thực hiện các bước sau:

- **Các hóa chất phải được tách riêng phù hợp dựa** trên nguy cơ nhiễm bẩn và rủi ro, ví dụ như các sản phẩm chứa chất dễ bay hơi có thể gây nhiễm bẩn chéo cho nhiều chất liệu khác nếu chúng được bảo quản gần nhau.
- **Tất cả các thùng chứa hóa chất phải được đậy kín bằng nắp đúng cách** để ngăn ngừa sự tràn đổ hóa chất và nhiễm bẩn trong quá trình vận chuyển và di chuyển.
- Cần sử dụng các phụ kiện cân riêng biệt như thìa, gàu vét, phễu, v.v... và phải rửa sạch và sấy khô các cân trọng lượng. Sau khi cân hóa chất, các thùng chứa phải được đóng lại kịp thời. Tự động cân, trộn và phân tán cũng có thể giúp ngăn ngừa nhiễm bẩn.
- Cần đánh giá và tránh **nguy cơ nhiễm bẩn từ các chất phụ gia xử lý**, ví dụ như Alkylphenol Ethoxylates (APEO) từ các chất tẩy rửa và tẩy nhờn vốn có thể tồn tại trong vải Greige và ngay cả nguồn nước đầu vào
- Cần đánh giá **nguy cơ nhiễm bẩn từ máy móc** và phải thực hiện các biện pháp để giảm thiểu rủi ro, ví dụ như các hợp chất perfluor hóa chuỗi dài (LCPFCs), bao gồm Perfluorooctane Sulfonate (PFOS) và Axit Perfluorooctanoic (PFOA) từ các dây chuyền sản xuất của hãng khác có nguy cơ làm nhiễm bẩn các dây chuyền sản xuất của CSC. Để tránh rủi ro nhiễm bẩn như vậy, máy móc và dây chuyền sản xuất phải được tách riêng, bằng việc dán nhãn và đánh dấu rõ ràng.

PHẦN 3: NGUỒN ĐẦU RA

Phần Nguồn đầu ra bao gồm các hoạt động chính về quản quản lý hóa chất khi kết thúc các dây chuyền sản xuất và trước khi có bất kỳ sản phẩm đầu ra, nước thải, khí thải và rác thải rắn rời khỏi ranh giới thực tế của nhà máy. Dưới đây là những hoạt động chính mà các nhà cung cấp CSC nên tuân thủ.

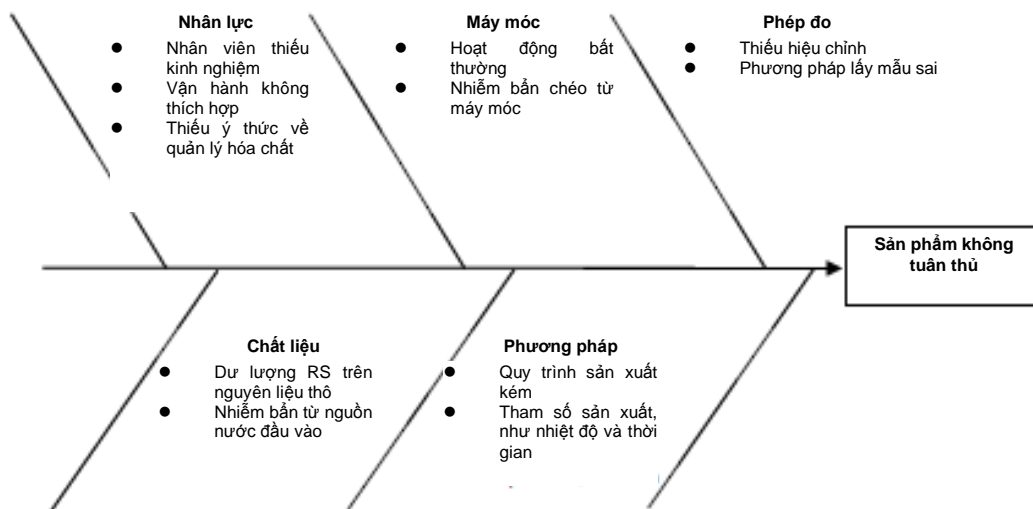
3.1 Thực hiện danh mục hóa chất bị hạn chế (RSL)

Điều gì: Các yêu cầu trong RSL của CSC cần được tích hợp vào các quy trình bảo đảm chất lượng (QA) nội bộ của nhà máy để đảm bảo thực hiện thích hợp.

Tại sao: Việc tạo ra các quy trình QA hiệu quả thông qua việc tích hợp các yêu cầu quản lý hóa chất là rất cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ của thành phẩm.

Cách thức: Nhà máy phải thực hiện các bước sau đây để đảm bảo rằng RSL của CSC được thực hiện hiệu quả:

- **Các quy trình đảm bảo chất lượng** cần được thiết lập để đảm bảo thành phẩm được sản xuất tại nhà máy có thể tuân thủ RSL của CSC và các yêu cầu hợp pháp khác. Bảo đảm chất lượng là một khía cạnh quản lý chất lượng vốn tập trung vào việc cung cấp niềm tin rằng các yêu cầu về chất lượng sẽ được thực hiện như quy định trong tiêu chuẩn ISO 9000: 2015.
- Các quy trình QA phải bao gồm:
 - Đánh giá về chất lượng và hiệu quả hóa chất;
 - Đảm bảo các công thức xử lý được tuân thủ nghiêm ngặt;
 - Các quy trình vận hành chuẩn về bảo quản, vận chuyển và xử lý hóa chất cần được thực hiện;
 - Đánh giá chất lượng sản xuất hiện tại bằng các hồ sơ hỗ trợ.
- **Các quy trình QA cũng có thể bao gồm** nhưng không giới hạn ở khâu lấy mẫu và kiểm tra ngẫu nhiên dựa trên rủi ro, kiểm tra sản phẩm, tự kiểm tra hàng năm, phân tích nguyên nhân gốc rễ, v.v...
- **Đối với bất kỳ sự cố lỗi RS nào, việc phân tích nguyên nhân gốc rễ** là một phương pháp xử lý sự cố được sử dụng để xác định nguyên nhân gốc rễ của các lỗi hoặc sự cố và có thể giúp nhà máy đạt được sự cải tiến liên tục. Một công cụ phân tích nguyên nhân gốc rễ hữu ích là Biểu đồ xương cá như trong ví dụ dưới đây. Ngoài ra, bạn cũng có thể nhìn thấy ví dụ sử dụng phương pháp PDCA (Hoạch định – Thực hiện – Kiểm tra – Hành động) trong Phần E của tài liệu này.



- Cách hiệu quả để đảm bảo chất lượng là tuân thủ các tiêu chuẩn dòng ISO 9000 để thiết lập, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng. Tham mưu các cơ quan chứng nhận hoặc tham khảo trang web chính thức để biết thêm thông tin về các hệ thống quản lý chất lượng. Trang web chính thức về các tiêu chuẩn dòng ISO 9000 là http://www.iso.org/iso/iso_9000
- Khi thực hiện thử nghiệm hóa chất, chất liệu hoặc sản phẩm, các thử nghiệm phải được tiến hành theo các phương pháp thử nghiệm trong RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của CSC.

3.2 Quản lý nước thải*

Điều gì: Các quy trình sản xuất có thể tạo ra một lượng nước hoặc nước thải bị nhiễm bẩn đáng kể. Nước thải có thể là nguyên nhân chính gây ô nhiễm nếu không được vận chuyển, bảo quản, chuyển giao, xử lý và/hoặc thải bỏ đúng cách.

Tại sao: Để đảm bảo phát triển và thực hiện các quá trình và quy trình xử lý và xả nước thải thích hợp.

Cách thức:

- Nhà máy phải đảm bảo mọi nguồn nước thải và chất thải từ các nhà máy đều được giám sát và xử lý thích hợp tại chỗ trước khi thải ra dòng tiếp nhận, hoặc phải được thải ra dưới sự cho phép thích hợp đến một cơ sở xử lý nước thải công cộng hoặc tư nhân ngoài nhà máy để xử lý thích hợp. Cấm xả nước thải hoặc chất thải chưa xử lý ra môi trường.
- Mỗi nhà máy phải có sẵn tất cả các giấy phép và giấy ủy quyền hiện hành theo yêu cầu của pháp luật về việc xả thải hóa chất. Các bản sao giấy phép, giấy ủy quyền, và các luật lệ, quy định và tiêu chuẩn hiện hành phải được lưu giữ tại nhà máy.

3.3 Quản lý chất thải nguy hại*

Điều gì: Chất thải là các chất hoặc vật phẩm bị loại bỏ, dự kiến loại bỏ hoặc bắt buộc phải loại bỏ. Chất thải nguy hại là bất kỳ chất thải nào hoặc sự kết hợp các chất thải có nguy cơ gây hại cho sức khỏe con người, sinh vật sống hoặc môi trường khi xử lý, bảo quản, vận chuyển hoặc thải bỏ không đúng cách.

Tại sao: Để đảm bảo phát triển và thực hiện các quá trình và quy trình theo dõi, giảm thiểu và xử lý chất thải thích hợp.

Cách thức:

- Nhà máy phải đảm bảo mọi chất thải công nghiệp được bảo quản cách xa các phòng tắm giặt và khu ăn uống, và khu vực rác thải không nằm gần ký túc xá, phòng chăm sóc trẻ em hoặc phòng y tế nếu có.
- Nhà máy phải đảm bảo rằng việc xử lý và thải bỏ chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh phải tuân thủ mọi giấy phép cũng như luật lệ và quy định hiện hành.
- Nhà máy phải lưu giữ các bản sao giấy phép và chứng chỉ của mọi nhà thầu chất thải để xem lại.

3.4 Đo khí thải*

Điều gì: Việc phát thải ra không khí được tạo ra từ quá trình sản xuất theo nhiều cách bao gồm nồi hơi, quy trình xử lý hóa chất, máy phát điện, v.v...

Tại sao: Đảm bảo phát triển và thực hiện các quá trình và quy trình xử lý và xả thải ra không khí thích hợp.

Cách thức:

- Nhà máy phải thường xuyên kiểm tra hoặc giám sát lượng khí thải tại cơ sở với chuyên gia hoặc phòng thí nghiệm được chứng nhận.
- Nhà máy phải đưa những nội dung sau vào danh mục tồn kho Chất Làm Suy Giảm Tầng Ôzôn (ODS):
 - tất cả các nguồn ODS, bất kể kích cỡ nào;
 - loại và tên ODS;
 - Hoạt động sử dụng của nó (ví dụ: chất làm lạnh, sử dụng quy trình hoặc các thiết bị chứa liên quan);
 - số lượng hiện có; và
 - Tần suất phát hiện rò rỉ (nếu cần).
- Nhà máy phải lưu giữ các hồ sơ bảo trì và phát hiện rò rỉ cho thiết bị ODS.
- Nhà máy cần xem xét ghi tổng lượng khí thải hàng năm của các chất gây ô nhiễm sau đây cho toàn bộ nhà máy và cho từng quy trình chính, bao gồm nồi hơi, lò nung, lò sấy và làm khô, v.v...: nitơ ôxít (NOx), lưu huỳnh đioxit (SO₂), cacbon ôxít (CO), chất dạng hạt (PM), các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs) và các chất gây ô nhiễm không khí nguy hại (HAPs), bằng cách sử dụng phương pháp tính toán được chấp nhận theo quy định của USEPA hoặc cơ quan bảo vệ môi trường địa phương. Khi sử dụng dung môi, cần sử dụng cách cân bằng khối lượng cũng như nhận biết và ghi lại mọi cổng phát thải.

*Tham khảo các nguồn bên ngoài như được liệt kê trong Phụ lục - định nghĩa và chữ viết tắt

PHẦN 4: HỆ THỐNG - (A) PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN

Cần cung cấp chương trình tập huấn để hiểu rõ các phân loại nguy cơ và rủi ro của hóa chất. Mọi nhân viên tiếp xúc với hóa chất phải được tập huấn để hiểu rõ các rủi ro tiềm ẩn và phải có biện pháp phòng ngừa thích hợp trong việc xử lý và sử dụng.

Điều gì: Phần này giải thích việc thiết lập đội ngũ, năng lực nhân sự và chương trình tập huấn liên quan để quản lý hóa chất.

Tại sao: Tất cả các bước hoạch định, thực hiện, kiểm tra và cải tiến hệ thống quản lý hóa chất phải được thực hiện bởi các nhân viên có chuyên môn.

Cách thức: Nhà máy nên chỉ định một nhân viên phụ trách chung về việc đảm bảo rằng nhà máy tuân thủ các quy trình để đáp ứng các yêu cầu của CSC. Nhà máy cũng phải đảm bảo cung cấp chương trình tập huấn đầy đủ và phù hợp bằng cách:

- **Xác định nhu cầu tập huấn và phân bổ đủ nguồn lực** cho chương trình tập huấn. Mỗi năm, nhà máy phải lập kế hoạch tập huấn về cách quản lý hóa chất dựa trên kinh nghiệm của năm trước. Chương trình tập huấn phải được thiết kế cho công nhân viên phù hợp với các chức vụ khác nhau.
- **Ban quản lý cấp cao cần được tập huấn để** đảm bảo thực hiện chính sách quản lý hóa chất và đáp ứng các mục tiêu quản lý hoá chất.
- Hàng năm, **tất cả nhân viên đều phải tham gia chương trình tập huấn hóa chất cơ bản** về an toàn và nguy cơ của hóa chất.
- **Tất cả các nhân viên bảo quản, di chuyển và vận chuyển**, xử lý và thải bỏ hóa chất phải được tập huấn và có đủ khả năng xử lý hóa chất đúng cách và đạt tiêu chuẩn cũng như xử lý tai nạn do hóa chất.
- **Nội dung tập huấn** phải là trọng tâm đảm bảo mức độ thông tin thích hợp được chuyển tải đến các cá nhân và tập thể cần chương trình tập huấn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan một cách an toàn và thành thạo.
- **Cần phát triển chương trình tập huấn bổ sung** khi xảy ra các sự cố liên quan đến quản lý hoá chất
- **Các hồ sơ và chứng chỉ tập huấn cần** phải được lưu trữ và duy trì. Cần lưu lại các thông tin về chương trình tập huấn, bao gồm chủ đề tập huấn và tóm tắt nội dung, chữ ký của tất cả những người tham dự, giấy tờ dự thi và chứng chỉ, v.v...

PHẦN 4: HỆ THỐNG - (B) TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VÀ TÍNH MINH BẠCH

Điều gì: Thông tin chính về tất cả các hóa chất phải được ghi nhãn, ghi lại và lưu trữ đúng cách. Một hệ thống truy xuất nguồn gốc tốt cho phép cơ sở liên kết từng khối thành phẩm với khối/lô tương ứng của tất cả các hóa chất được sử dụng trong quy trình sản xuất. Tính minh bạch có nghĩa là thông tin hóa chất, có sẵn, các nguy cơ, nhà cung cấp và số khối/lô hàng cần phải có sẵn đối với CSC và các bên liên quan chính khi có yêu cầu.

Tại sao: Khả năng truy tìm nguồn gốc có thể giúp truy tìm lại thông tin, thông báo về nguy cơ và tìm nguyên nhân gốc rễ nếu có bất kỳ sự không phù hợp về hóa chất. Tính minh bạch có thể giúp xác định nguy cơ và đánh giá rủi ro tiềm ẩn từ hóa chất.

Cách thức: Nhà máy phải tạo ra một hệ thống truy xuất nguồn gốc hóa chất để đưa vào các nội dung cần xem xét sau:

- **Cần có tài liệu về mọi thông tin liên quan theo** Bảng hóa chất và nguyên liệu tồn kho.
- **Phải dễ dàng tiếp cận thông tin liên quan** đến các hóa chất và nguyên liệu sử dụng trong mỗi sản phẩm bao gồm tên hoá chất, thông tin về nguy cơ, kết quả đánh giá rủi ro, thông tin nhà cung cấp và số lô, v.v...
- Mỗi hóa chất trên danh mục hóa chất tồn kho phải được cung cấp **mã nhận dạng duy nhất (UID)** - có thể tạo điều kiện thuận lợi cho nhà máy nhanh chóng và dễ dàng nhận biết hóa chất thích hợp trong số các hóa chất khác nhau.

Nếu danh mục thành phần hoá học trong công thức chưa hoàn chỉnh, nghĩa là toàn bộ thành phần trên SDS không tăng lên đến 100% thì nên liên hệ với các nhà cung cấp hoá chất để hiểu rõ thông tin về thành phần và đánh giá rủi ro.

Lưu ý: Phân loại nguy hại của các hóa chất có thể liên quan đến Hệ thống Hải hoà Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hoá chất (GHS). Theo GHS, các nguy hại có thể được phân loại là thể chất, sức khoẻ hoặc môi trường. Đối với các nguy hại khác nhau và hạng mục nguy hại, các biểu tượng GHS có thể được sử dụng để ghi nhãn cho các nguy hại - Phụ lục 1 tóm tắt thông tin về các biểu tượng GHS và các nguy hại tương ứng. Để biết thêm thông tin về GHS, vui lòng truy cập trang web chính thức của GHS. http://www.unece.org/trans/danger/publi/ghs/ghs_welcome_e.html

PHẦN 5: TRUYỀN THÔNG

5.1 Truyền thông qua khắp chuỗi cung ứng

Điều gì: Sau khi mọi yêu cầu và cập nhật hiện hành được tóm tắt và nghiên cứu, nhà máy phải chuyển mọi thông tin cho các nhà cung cấp hóa chất và nguyên liệu để đảm bảo họ hiểu rõ các yêu cầu trong chuỗi cung ứng trước kia.

Tại sao: Việc có được các hóa chất và nguyên liệu thích hợp đáp ứng các yêu cầu của CSC chỉ có thể được đảm bảo khi các nhà cung cấp trước kia đã được thông báo rõ ràng về mọi tiêu chuẩn và yêu cầu liên quan. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các FGV - những người đang tìm kiếm một số chất liệu và thành phần khác nhau từ nhiều RMV. Khi các nhà cung cấp hóa chất hoạt động ở từng giai đoạn của chuỗi cung ứng, họ là một trong những đối tác quan trọng nhất. Nhận thức, cam kết và kiểm soát chất lượng nhất quán của họ là rất quan trọng đối với việc tuân thủ của các hóa chất và nguyên liệu.

Cách thức: Để đảm bảo rằng các yêu cầu tuân thủ hoá chất được truyền đạt hiệu quả, nhà máy phải chứng minh những điều sau:

- **Các nhà máy phải truyền đạt các yêu cầu hóa chất mới nhất cho chuỗi cung ứng của họ.** RSL và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm mới nhất của CSC và bất kỳ thay đổi nào cũng cần được thông báo kịp thời cho tất cả các nhà cung cấp.
- **Cần phải duy trì các hồ sơ để cung cấp bằng chứng về quá trình truyền thông.** Các hồ sơ này phải ghi lại những thông tin nào* đã được truyền đạt, ngày truyền đạt và xác nhận từ nhà cung cấp mà họ đã nhận được và đồng ý tuân thủ. Mọi thay đổi và cập nhật cũng phải được ghi lại.

* Phụ lục 4 là một ví dụ về DOC và phải bao gồm các chi tiết về những gì mà nhà máy tuyên bố tuân thủ ngày tuyên bố, thời hiệu và các thông tin liên quan khác.

5.2 Truyền thông về nguy hại của hóa chất tại Cơ sở sản xuất

Điều gì: Thông tin về nguy hại của hóa chất phải được chia sẻ với tất cả các nhân viên liên quan trong cơ sở sản xuất.

Tại sao: Vì hóa chất có thể gây hại cho công nhân viên và môi trường, tất cả công nhân viên có liên quan cần phải nhận thức được nguy hại để giảm thiểu rủi ro.

Cách thức: Để đảm bảo rằng các nguy hại của hoá chất được truyền đạt hiệu quả trong nhà máy, bắt buộc phải thực hiện các điều sau đây:

- **Ban quản lý phải phân công một nhân viên phụ trách quản lý hóa chất - người mà cần cập nhật cho nhà máy về các rủi ro nguy hại mới nhất.** Các yêu cầu cần được chia sẻ với các nhóm thích hợp và được cập nhật theo yêu cầu.
- **Mọi thông tin nguy hại liên quan về hóa chất, bao gồm SDS cho mỗi hóa chất phải được lưu giữ tại chỗ và luôn sẵn sử dụng cho tất cả công nhân viên.** Thông tin về nguy hại không chỉ được lưu giữ tại các văn phòng nhà máy mà đặc biệt còn ở những nơi có hoạt động bảo quản và xử lý hóa chất để tạo thuận lợi cho công nhân viên nhận biết được các nguy hại của hóa chất. Nhà máy phải khởi động các chương trình tập huấn cho công nhân viên để nâng cao nhận thức và khả năng hiểu biết các nguy hại của hóa chất và tầm quan trọng của việc sử dụng Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE).
- **Các biểu tượng nguy hại trong SDS, PPE thích hợp và các yêu cầu về an toàn phải được hiểu rõ bởi tất cả các nhân viên liên quan.**
- **Giám đốc quản lý hoá chất phải cung cấp cho bộ phận thu mua một danh mục hóa chất và nguyên liệu được phê duyệt** vốn đã được chấp nhận để mua cho các sản phẩm của CSC. Chỉ các mặt hàng trong danh mục này mới có thể được sử dụng trong sản phẩm của CSC.

Giám đốc quản lý hoá chất phải cung cấp cho cá nhân/tập thể phụ trách giữ kho một danh mục hóa chất được sử dụng trong dây chuyền sản xuất của CSC và đảm bảo rằng các mức hàng tồn kho được cập nhật và thông báo thường xuyên cho bộ phận thu mua.

(C) PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các biểu tượng GHS và nguy hại tương ứng

| Biểu tượng GHS | Phân loại nguy hại | |
|---|---|---|
|  | Khí dễ cháy, Bình xịt hơi, Chất lỏng dễ cháy, Chất rắn dễ cháy, Các chất và hỗn hợp tự phản ứng, chất lỏng pyrophoric, | Chất rắn pyrophoric, Các chất và hỗn hợp tự làm nóng, các chất và hỗn hợp có tiếp xúc với nước, phát ra các loại khí dễ cháy, chất peroxit hữu cơ, chất nổ không phản ứng |
|  | Ăn mòn kim loại, Ăn mòn/kích ứng da, Thiệt hại mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt | |
|  | Chất nổ, Các chất và hỗn hợp tự phản ứng, chất peroxit hữu cơ, | |
|  | Khí áp suất | |
|  | Khí oxy hóa, chất lỏng oxy hóa, chất rắn oxy hóa | |
|  | Độc tính cấp tính | |
|  | Độc tính cấp tính, Ăn mòn/kích ứng da, Thiệt hại mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt, | Chất tăng nhạy cảm da, Độc tính cơ quan đích sau khi phơi nhiễm một lần, Nguy hại đối với tầng ôzôn |
|  | Chất tăng nhạy cảm về hô hấp, Tác nhân gây đột biến tế bào mầm, Khả năng gây ung thư, Độc với cơ quan sinh sản, | Độc tính cơ quan đích sau khi phơi nhiễm một lần, Độc tính cơ quan đích sau khi phơi nhiễm nhiều lần, Nguy hại khi hít phải |
|  | Nguy hiểm với môi trường thủy sinh | |

Phụ lục 2: Ví dụ về Bảng dữ liệu an toàn (SDS)

Số phiên bản:

Ngày:

PHẦN 1: Nhận biết

PHẦN 2: Nhận biết các nguy hại

PHẦN 3: Thành phần/Thông tin về các thành phần

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

PHẦN 5: Biện pháp chữa cháy

PHẦN 6: Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn

PHẦN 7: Xử lý và bảo quản

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

PHẦN 9: Các đặc tính lý hóa

PHẦN 10: Tính ổn định và phản ứng

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

PHẦN 13: Xem xét về cách thải bỏ

PHẦN 14: Thông tin vận chuyển

PHẦN 15: Thông tin về các quy định

PHẦN 16: Thông tin khác

Lưu ý: Ví dụ về SDS này tuân thủ GHS, ấn bản sửa đổi lần thứ sáu. Để biết thêm thông tin về GHS, vui lòng truy cập http://www.unece.org/trans/danaer/publi/ahs/ahs_welcome_e.html

SDS còn được gọi là Bảng Dữ liệu An toàn Hóa chất (MSDS).

Phụ lục 3: Ví dụ về Danh mục hóa chất tồn kho (CIL)

| Số TT | Mã nhận dạng duy nhất (UID) | Tên (thương mại) hóa chất | Nhà cung cấp hóa chất | SDS lưu trên hồ sơ | Thành phần | Số CAS | Loại nguy hại | Chứng chỉ ^a | Báo cáo thử nghiệm ^b | Phạm vi ứng dụng | Phê duyệt bởi Giám đốc quản lý hóa chất | Ghi chú ^d |
|-------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------|--|---|--|------------------------|---------------------------------|----------------------|---|----------------------|
| 1 | XXX-1023 | XXX xanh lam | A Co., Ltd | Y | Natri, 1-amino-4-[3-[[2-chloroacetyl)amino]methyl]-2,4,6-trimethylanilino]-9,10-dioxoanthracene-2-sulfonate, 50%-70% | 70209-96-0 | Kích ứng da, Hạng mục 1; Nguy hại đối với môi trường thủy sinh, Lâu dài, Hạng mục cấp tính 3 | Không | Có | Quá trình nhuộm | Có | |
| 2 | XXX-2206 | Chất chống thấm nước | B Co., Ltd | Có | Fluoro-acrylate polymer 10%-11%; Tripropylene glycol 1%-2%; Cetyltrimethylammonium chloride 3%-4%; Rượu béo-polyoxyethylene ether 2%- 3%; Nước 79%-80% | 24800-44-0 112-02-7 9002-92-0 trên GHS 7732-18-5 | Không có nguy hại, dựa trên GHS | Chứng nhận bluesign® | Không | Quy trình hoàn thành | Có | |
| 3 | XXX-2405 | Tác nhân bảo vệ tia UV | C Co., Ltd | Có | 2,2"-Dihydroxy-4,4"-2(hydroxypropane-1,3-diylidioxy)dibenzophenone 20%-22%; Diethylene glycol 14%-16% | 23911-85-5 111-46-6 | Độc tính cơ quan đích sau khi phơi nhiễm nhiều lần, Hạng mục 2 | Không | Có | Quy trình hoàn thành | Có | |

Ghi chú: ^a Chứng chỉ bao gồm chứng nhận bluesign® và các chứng chỉ khác về hóa chất.

^b Báo cáo thử nghiệm phải bao gồm kết quả thử nghiệm về các chất nguy hại trong hoá chất, ví dụ như báo cáo thử nghiệm MRSL.

^c Tuân thủ có nghĩa là tuân thủ MRSL và RSL của nhà máy.

^d Trên đây là yêu cầu tối thiểu cho CIL, và nhà máy có thể thêm vị trí bảo quản, số lượng bảo quản và các thông tin khác vào CIL dựa trên nhu cầu thực tế.

Phụ lục 4: Ví dụ về Bản tuyên bố tuân thủ (DOC)

Danh mục Các Chất Bị Hạn chế (RSL) và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của (Tên công ty)

Bản tuyên bố tuân thủ

Tên công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Người liên hệ:

Chúng tôi đã nhận và hiểu rõ Danh mục Các Chất Bị Hạn chế (RSL) và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm của (Tên công ty). Chúng tôi chấp nhận các yêu cầu đặt ra trong sổ hướng dẫn sử dụng này và nhận thức được nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng tôi về an toàn sản phẩm. Chúng tôi đảm bảo có và duy trì các hệ thống phù hợp tại chỗ để kiểm soát chất lượng, sự an toàn và sử dụng hóa chất phù hợp với các yêu cầu này.

Chúng tôi đảm bảo rằng hóa chất/nguyên liệu/thành phẩm đã được bán hoặc chuyển giao cho **(Tên công ty)** và các chi nhánh của công ty không được sản xuất hoặc chứa:

- a. bất kỳ chất nào vượt quá giới hạn quy định trong Danh mục Các Chất Bị Hạn chế (RSL) của **(Tên công ty)** - thỉnh thoảng có thể được cập nhật bởi **(Tên công ty)** sau khi thông báo cho Nhà cung cấp;
- b. bất kỳ hóa chất, vật liệu, thành phần hoặc thành phẩm nào khác vi phạm các tiêu chuẩn đặt ra trong Danh mục Các Chất Bị Hạn chế (RSL) và Sổ Hướng dẫn Sử dụng An toàn Sản phẩm **(Tên công ty)** hoặc chúng tôi biết hoặc cần biết đều sẽ vi phạm các luật lệ hoặc quy định của bất kỳ quốc gia nào; nếu không thì nó không an toàn.

Chúng tôi sẽ bồi hoàn và giữ an toàn cho **(Tên công ty)**, viên chức, giám đốc, nhân viên và đại lý của công ty về mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý, hình phạt, tiền phạt và đánh giá phát sinh từ bất kỳ và mọi khiếu nại rằng (i) bất kỳ hóa chất/vật liệu/thành phẩm nào mà chúng tôi cung cấp không tuân thủ RSL của **(Tên công ty)** hoặc (ii) do vi phạm giấy chứng nhận ở trên.

Chữ ký

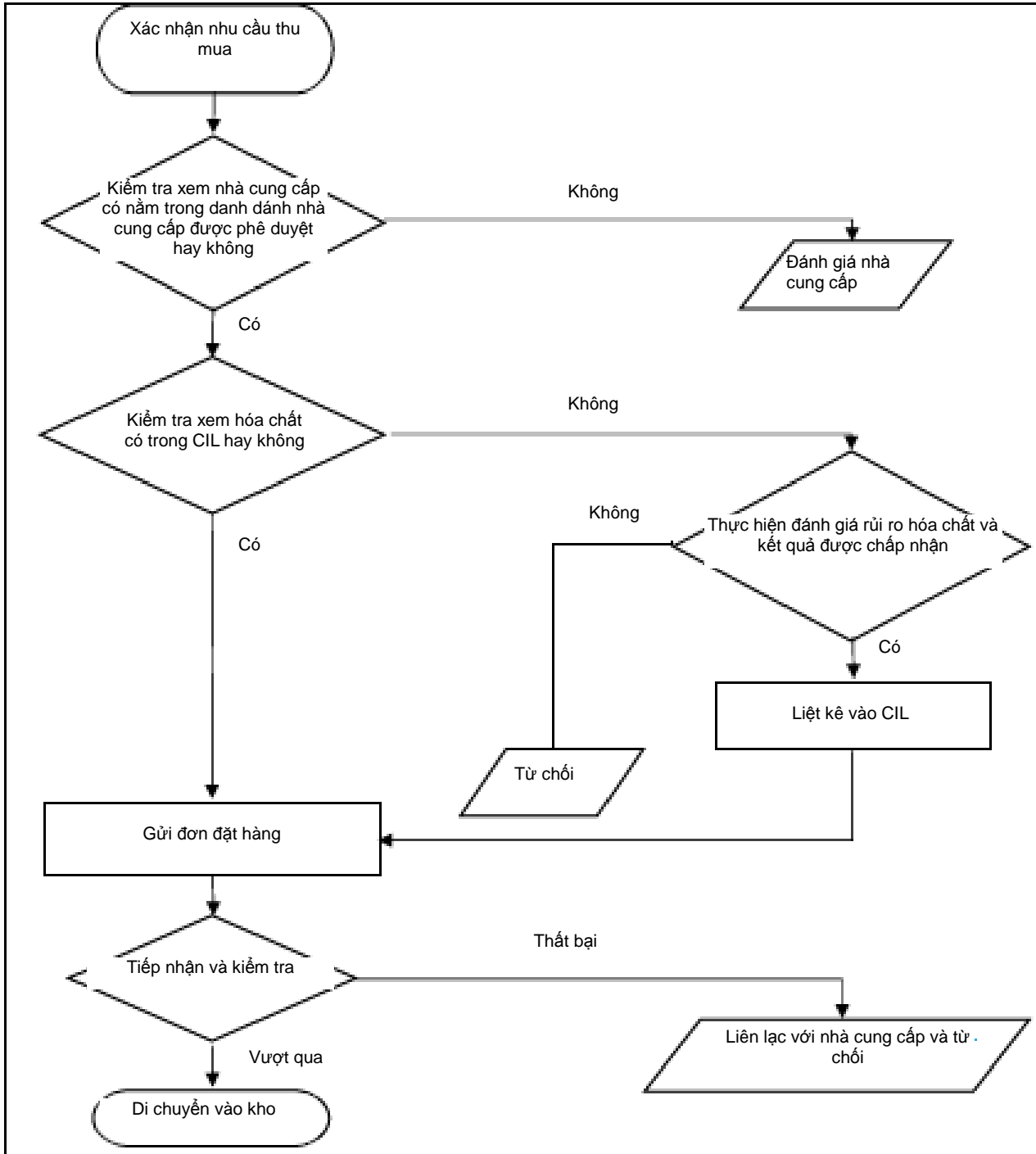
Ngày

Tên viết hoa

Phụ lục 5: Ví dụ về Danh sách nhà cung cấp được phê duyệt

| Số TT | Tên nhà cung cấp | Hạng mục sản phẩm | Người liên hệ | Điện thoại | ĐTDD | Fax | Email | Địa chỉ | Ngày phê duyệt | Ghi chú |
|-------|------------------|---------------------|---------------|------------|-------|-----|-------|---------|-----------------|---------|
| 1 | A Co., Ltd | Thuốc nhuộm | Jason Feng | XXXXX | XXXXX | XXX | XXX | XXXXX | Ngày 04/04/2015 | |
| 2 | B Co., Ltd | Chất phủ ngoài | Carl Zheng | XXXXX | XXXXX | XXX | XXX | XXXXX | Ngày 23/08/2016 | |
| 3 | Doanh nghiệp C | Phụ gia thuốc nhuộm | Adam Lee | XXXXX | XXXXX | XXX | XXX | XXXXX | Ngày 12/09/2016 | |

Phụ lục 6: Ví dụ về quy trình thu mua



Lưu ý: Đánh giá nhà cung cấp có thể dựa trên quá trình phê duyệt cho nhà cung cấp đủ tiêu chuẩn (Phần 1.3).

(D) ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT

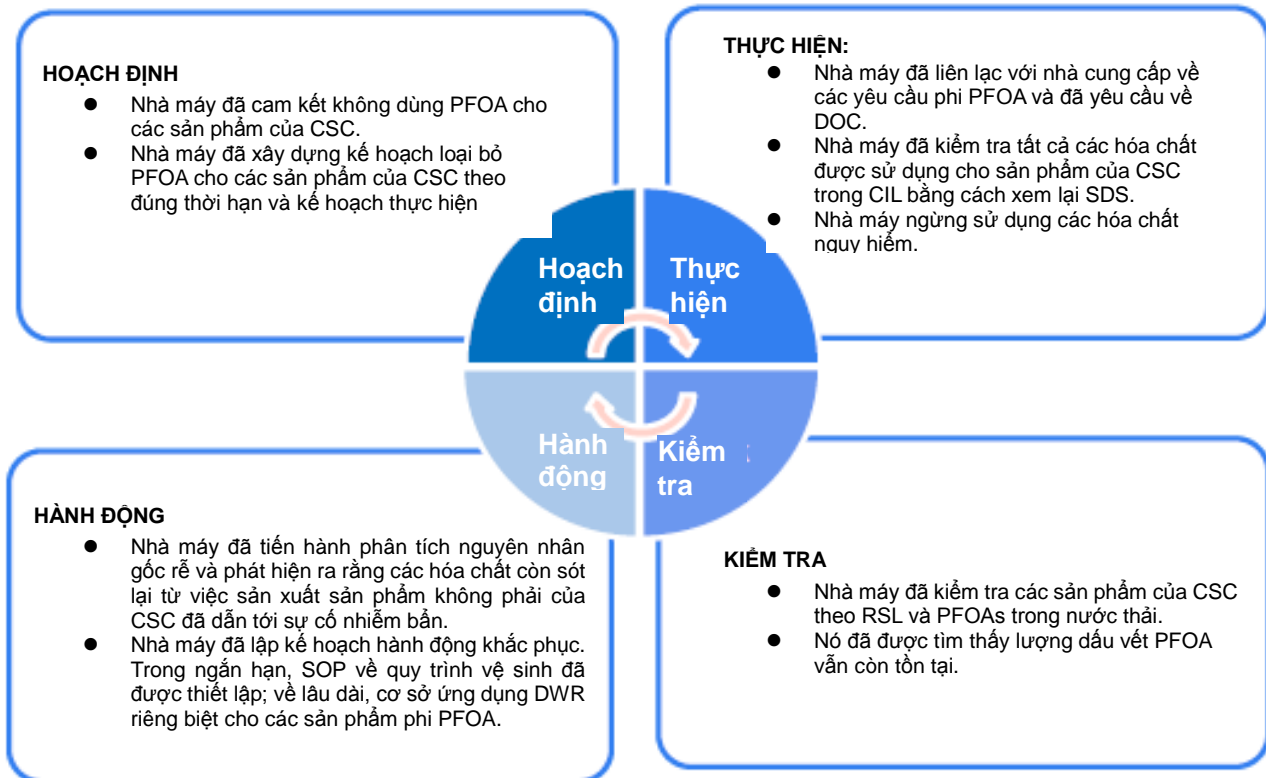
| | | | |
|-----------------|---|------------------|--|
| APEO | Alkylphenol Ethoxylates | PPE | Thiết bị bảo hộ cá nhân |
| CAS | Dịch vụ tóm tắt hóa học | RSL | Danh mục các chất bị hạn chế |
| CMRCIL | Khả năng gây ung thư, gây đột biến, độc tính sinh sản, Danh mục hóa chất tồn kho | SAC | Liên minh trang phục bền vững |
| CRICMR | Nhân viên phụ trách về hoá chất, Khả năng gây ung thư, Gây đột biến, Độc tính sinh sản | SOP | Quy trình vận hành chuẩn |
| CSCCRI | Công ty Columbia Sportswear, Nhân viên phụ trách hóa chất | TDS | Bảng dữ liệu kỹ thuật |
| DOCCSC | Bản tuyên bố tuân thủ, Công ty Columbia Sportswear | UID | Mã/số nhận dạng duy nhất |
| ETPDOC | Nhà máy xử lý nước thải, Bản tuyên bố tuân thủ | vPvB | Rất bền và rất tích lũy về sinh học |
| FGVETP | Các nhà cung cấp thành phẩm trực tiếp cung cấp sản phẩm cho CSC, bao gồm các nhà máy sản xuất thành phẩm, như nhà sản xuất hàng may mặc và hãng lắp ráp giày dép, v.v..., Nhà máy xử lý nước thải | ZDHC | Không xả thải các hóa chất nguy hại |
| GHSFGV | Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất, Các nhà cung cấp thành phẩm cung cấp trực tiếp sản phẩm cho CSC, bao gồm các nhà máy sản xuất thành phẩm, như nhà sản xuất hàng may mặc và hãng lắp ráp giày dép, v.v... | bluesign* | bluesign®, <i>Tiêu chí cho các địa điểm sản xuất, Phiên bản 2.0, tháng 4 năm 2014</i> |
| LCPCGHS | Hợp chất perfluor hóa chuỗi dài, Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất | GSCP* | Chương trình tuân thủ xã hội toàn cầu, <i>Quy trình kiểm toán và Dụng cụ tham khảo phương pháp luận, Phụ lục 3: Kiểm tra kiểm toán tham khảo, Tháng 10 năm 2009 và Yêu cầu tham khảo môi trường, Tháng 10 năm 2010</i> |
| MILLCPFC | Danh mục vật liệu tồn kho, Hợp chất perfluor hóa chuỗi dài | FLA* | Hội lao động công bằng, Quy tắc ứng xử tại nơi làm việc và Chuẩn mực tuân thủ, Tháng 10 năm 2011 |
| MRSLMIL | Danh mục các chất bị hạn chế sản xuất, Danh mục vật liệu tồn kho | ASTM* | ASTM quốc tế |
| MSDSMRSL | Bảng dữ liệu an toàn hóa chất, Danh mục các chất bị hạn chế sản xuất | ANSI* | Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ |
| RMVMSDS | Các nhà cung cấp của FGV, nếu không cung cấp sản phẩm trực tiếp cho CSC, bao gồm các nhà sản xuất dệt may như nhà máy nhuộm, in ấn, hoàn thiện và giặt rửa, và các nhà sản xuất phụ kiện giày dép, v.v... Bảng dữ liệu an toàn hóa chất | ISO* | Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hoá |

| | | | |
|------------------|---|--------------|---|
| | | | |
| SDSRMV | Bảng dữ liệu an toàn, Các nhà cung cấp của FGV, nếu không cung cấp sản phẩm trực tiếp cho CSC, bao gồm các nhà sản xuất dệt may như nhà máy nhuộm, in ấn, hoàn thiện và giặt rửa, và các nhà sản xuất phụ kiện giày dép, v.v... | NFPA* | Hiệp hội Chống cháy Quốc gia |
| ODSSDS | Chất làm suy giảm tầng ôzôn, Bảng dữ liệu an toàn | IBC* | Hội đồng Bộ luật Quốc tế, <i>Bộ luật Xây dựng Quốc tế</i> |
| OIAODS | Hiệp hội công nghiệp ngoài trời, Chất làm suy giảm tầng ôzôn | IFC* | Hội đồng Bộ luật Quốc tế, <i>Bộ luật Hỏa hoạn Quốc tế</i> |
| PBTOIA | Liên tục, tích lũy sinh học và độc hại, Hiệp hội công nghiệp ngoài trời | | |
| PDCAPBT | Hoạch định-Thực hiện-Kiểm tra-Hành động, Liên tục, tích lũy sinh học và độc hại | | |
| PFOAPDCA | Axit Perfluorooctanoic, Hoạch định-Thực hiện-Kiểm tra-Hành động | | |
| PFOS/PFOA | Perfluorooctane Axit sulfoat perfluorooctanoic | | |
| PFOS | Perfluorooctane sulfonat | | |

(E) NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH - PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN GỐC RỄ VỀ LỖI RSL

Nghiên cứu điển hình: Sử dụng PDCA để tìm ra nguyên nhân gốc rễ về lỗi PFOA và thiết lập Kế hoạch hành động khắc phục/Kế hoạch hành động dự phòng

Nhà máy A là nhà máy hoàn thiện cung cấp vải chống thấm nước cho CSC. Theo báo cáo thử nghiệm, một lô áo khoác bằng vải không thấm nước đã không đáp ứng các yêu cầu của CSC về PFOA. Nhà máy A đã dùng cách tiếp cận PDCA để cải thiện hiệu suất quản lý hóa chất.



Hình 1 Ví dụ về Cách tiếp cận PDCA

KẾT THÚC

Việc diễn giải bất kỳ nội dung và thuật ngữ nào cũng phải tuân theo phiên bản tiếng Anh liên quan